

UBND TỈNH GIA LAI  
**THANH TRA TỈNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **247** /TTr-PCTN  
V/v gửi tài liệu phổ biến Luật Phòng  
chống tham nhũng năm 2018

Gia Lai, ngày 05 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: -Các sở, ban, ngành; Báo Gia Lai, Đài Phát thanh TH tỉnh Gia Lai;  
-Văn phòng Tỉnh ủy và các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy Gia Lai;  
-Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh Gia Lai;  
-UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Gia Lai;  
-UBND xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Gia Lai;  
- Các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh Gia Lai;  
-Các doanh nghiệp nhà nước, Công ty cổ phần thuộc tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Kế hoạch số 334/KH-UBND ngày 14/02/2019 về triển khai thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 trên địa bàn tỉnh và trên cơ sở tham khảo tài liệu về những nội dung cơ bản của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 do Thanh tra Chính phủ phát hành;

Thanh tra tỉnh biên soạn tài liệu về “**Những nội dung cơ bản của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018**” gửi đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh để nghiên cứu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân bằng những hình thức phù hợp, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Tài liệu nêu trên được gửi đến các cơ quan, đơn vị, địa phương qua hệ thống văn bản quản lý điều hành của tỉnh (*trường hợp đơn vị chưa có hệ thống này thì được gửi qua đường bưu điện*); đồng thời được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh Gia Lai tại địa chỉ <http://thanhtragiailai.gov.vn/>.

Nhận được văn bản này, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiên cứu để tổ chức triển khai phổ biến Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 đạt kết quả tốt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c)
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Lưu VT, VP, PCTN.

**KT.CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Trần Thùy Thanh**



**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA  
LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2018**  
(Kèm theo văn bản số: 247 /TTr-PCTN ngày 05 tháng 6 năm 2019  
của Thanh tra tỉnh Gia Lai)

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sau đây gọi tắt là Luật PCTN) được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/11/2018; được Chủ tịch nước ký lệnh công bố vào ngày 04/12/2018 và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019; thay thế Luật PCTN năm 2005 các luật sửa đổi, bổ sung Luật PCTN năm 2005 (sau đây gọi tắt là Luật cũ).

Luật PCTN bao gồm 10 chương với 96 điều; bao gồm những nội dung cơ bản, trong đó có một số nội dung mới và sửa đổi bổ sung như sau:

**I.VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT PCTN:**

**1.Về phạm vi điều chỉnh:**

- Tại Điều 1 Luật PCTN quy định phạm vi điều chỉnh của Luật là: *Quy định về phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.*

- Như vậy, so với Luật cũ, Luật PCTN đã thay cụm từ “*xử lý người có hành vi tham nhũng*” bằng cụm từ “*xử lý tham nhũng*” nhằm mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật; bao gồm cả việc xử lý người có hành vi tham nhũng, xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

**2. Về đối tượng điều chỉnh:**

-Theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Luật PCTN, thì đối tượng áp dụng của Luật bao gồm:

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước, bao gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công, tài sản công.

+ Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

-Việc mở rộng phạm vi áp dụng một số biện pháp PCTN ra ngoài khu vực nhà nước trong giai đoạn hiện nay là cần thiết; vì trên thực tế, tình hình tham nhũng khu vực ngoài nhà nước đã và đang làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước và hiệu quả công tác PCTN. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật PCTN ra khu vực ngoài nhà nước là phù hợp với quan điểm chỉ đạo tại Kết luận số 10-KL/TU ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; bên cạnh đó, cũng đồng bộ với Bộ luật Hình sự mới đã mở rộng quy định xử lý đối với một số tội phạm về tham nhũng trong mọi tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước.

## **II. QUY ĐỊNH VỀ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG**

Luật PCTN đã mở rộng phạm vi điều chỉnh sang khu vực ngoài nhà nước, do vậy, các hành vi tham nhũng được xác định không chỉ bao gồm những hành vi trong khu vực nhà nước mà còn bao gồm cả một số hành vi trong khu vực ngoài nhà nước. Đây là một điểm mới cơ bản so với Luật cũ. Theo đó, các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước cơ bản vẫn giữ nguyên như Luật cũ; các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước được bổ sung để thống nhất với quy định của Bộ luật Hình sự và khái niệm tham nhũng. Cụ thể như sau:

**1. Các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện bao gồm:** (1) Tham ô tài sản; (2) Nhận hối lộ; (3) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; (4) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ vì vụ lợi; (5) Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; (6) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; (7) Giả mạo trong công tác vì vụ lợi; (8) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; (9) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi; (10) Những thiếu sót vì vụ lợi; (11) Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; (12) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

**2. Các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện bao gồm:** (1) Tham ô tài sản; (2) Nhận hối lộ; (3) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

## **III. QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

Luật PCTN quy định 06 nhóm biện pháp phòng ngừa tham nhũng phải áp dụng trong các cơ quan, đơn vị; đồng thời trong từng nhóm biện pháp đã được bổ sung, sửa đổi những nội dung thiết thực nhằm đảm bảo tính khả thi và phát huy hơn nữa hiệu quả việc thực hiện. Cụ thể như sau:

### **1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị:**

Công khai, minh bạch trong tổ chức, hoạt động của cơ quan, đơn vị được xác định là một biện pháp rất quan trọng và hữu hiệu để phòng ngừa tham nhũng. Để tránh trùng lặp với quy định về nội dung công khai, minh bạch trong các luật chuyên ngành, Luật PCTN đã quy định theo hướng bao quát hơn. Theo đó, bỏ 18 điều của Luật cũ (từ Điều 13 đến Điều 30) và tập trung quy định một số nội dung cơ bản về nguyên tắc công khai, hình thức công khai và đặc biệt xác định rõ trách nhiệm công khai thuộc về người đứng đầu cơ quan, đơn vị; chế độ họp báo, phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí; quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị, cá nhân; trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền khi có yêu cầu (Từ Điều 9 đến Điều 15).

### **1.1.Nội dung phải công khai, minh bạch:**

-Điều 10 Luật PCTN quy định cơ quan, đơn vị phải công khai, minh bạch những nội dung sau đây:

+Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; người lao động và công dân;

+ Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

+ Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc các trường hợp trên mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

### **1.2.Hình thức công khai, minh bạch:**

-Theo quy định tại Điều 11 của Luật PCTN, trường hợp luật khác không quy định về hình thức công khai, thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị bắt buộc phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai sau:

+ Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, đơn vị;

+ Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan;

+ Phát hành ấn phẩm;

+ Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

+ Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử;

+ Tổ chức họp báo.

-Ngoài ra, tùy theo từng trường hợp cụ thể, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thể lựa chọn thêm các hình thức công khai như: Công bố tại cuộc họp của cơ quan, đơn vị hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị, cá nhân.

## **2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:**

Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ là một trong những biện pháp quan trọng để ngăn ngừa tiêu cực, PCTN; vì biện pháp này giúp cho việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công một cách thống nhất và đúng đắn, tránh sự tùy tiện và lạm dụng. Bên cạnh đó, việc công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ còn giúp tăng cường sự giám sát của người dân đối với người có chức vụ, quyền hạn; của CBCCVC đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng tài chính công, tài sản công, qua đó góp phần ngăn ngừa các hành vi tham nhũng. Thực tế hiện nay, thẩm quyền ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ; nội dung cụ thể của định mức, tiêu chuẩn, chế độ được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các luật chuyên ngành khác. Vì vậy, kế thừa Luật cũ, Luật PCTN chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc trong việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ để tránh chồng chéo. Cụ thể:

-Tại Điều 18 Luật PCTN quy định cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

+ Xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ (*việc xây dựng, ban hành không được trái pháp luật*);

+ Công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

+ Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

+ Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công, căn cứ vào quy định nêu trên để hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành, công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng trong tổ chức, đơn vị mình, thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đó.

- Điều 19 Luật PCTN quy định người có hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và chịu trách nhiệm bồi thường như sau:

+ Người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phần giá trị mà mình cho phép sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại; người sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ có trách nhiệm liên đới bồi thường với người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

+ Người tự ý sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phần giá trị mình sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại.

### **3. Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị:**

Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của CBCCVC trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp nhằm đảm bảo liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ. Quy tắc ứng xử cũng là sự cụ thể hóa các quy định của pháp luật và các quy phạm đạo đức trong các tình huống cụ thể phát sinh trong hoạt động công vụ. Chính vì vậy, quy tắc ứng xử tạo ra những khuôn mẫu, chuẩn mực trong ứng xử của CBCCVC. Xây dựng và thực hiện đúng quy tắc ứng xử cũng góp phần loại trừ nguyên nhân phát sinh tham nhũng trong hoạt động công vụ và là cơ sở để người dân giám sát việc thực thi công vụ của những người có chức vụ, quyền hạn.

Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn là một chế định mới được quy định trong Luật PCTN năm 2018 trên cơ sở tập hợp và hệ thống hóa một số nhóm quy định của Luật PCTN năm 2005, Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ công chức và có chỉnh lý để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa xung đột lợi ích; bao gồm các quy định cụ thể như sau:

#### **3.1) Về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị:**

Theo Điều 20 Luật PCTN, người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm những quy tắc sau:

- Không được những nhiễu trong giải quyết công việc;
- Không được thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- Không được tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết...;
- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, đơn vị đó.

**3.2) Về tặng quà và nhận quà tặng:** Theo Điều 22 Luật PCTN, cơ quan, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn phải thực hiện đúng những quy định sau:

- Không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong một số trường hợp cần thiết khác.
- Không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình.

### **3.3) Về kiểm soát xung đột lợi ích:**

Xung đột lợi ích là tình huống mà trong đó lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đắn đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Xung đột lợi ích có nhiều tình huống với mức độ ảnh hưởng khác nhau. Khi có tình huống dẫn đến xung đột lợi ích, nếu xét thấy để người đó tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ có thể dẫn đến tham nhũng hoặc việc giải quyết công việc thiếu khách quan thì cần phải có biện pháp kiểm soát tình huống đó. Chính vì vậy, Điều 23 Luật PCTN đã có quy định về kiểm soát xung đột lợi ích, cụ thể:

- Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nếu biết hoặc buộc phải biết nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích thì phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý. Cơ quan, đơn vị khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, xử lý.
- Người trực tiếp quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn khi phát hiện có xung đột lợi ích và nếu thấy việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ không bảo đảm tính đúng đắn, khách quan, trung thực thì phải xem xét, áp dụng một trong các biện pháp sau:
  - + Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

+ Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

+ Tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.

- Việc quy định xung đột lợi ích và kiểm soát xung đột lợi ích trong Luật PCTN khẳng định kiểm soát xung đột lợi ích là công cụ quan trọng nhằm phòng, chống tham nhũng hiệu quả, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức về xung đột lợi ích và kiểm soát xung đột lợi ích, thống nhất về cơ chế kiểm soát, thống nhất các biện pháp áp dụng và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng ngừa, phát hiện và quản lý xung đột lợi ích. Luật PCTN cũng đã giao Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành nội dung này để đảm bảo chặt chẽ, thống nhất trong việc thực hiện.

#### **4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:**

Chuyển đổi vị trí công tác có vai trò rất quan trọng trong việc phòng ngừa tham nhũng. Mục đích của việc chuyển đổi nhằm ngăn ngừa việc CBCCVC ở lâu một vị trí có thể tạo nên những ê kíp, lợi dụng những kẽ hở của cơ chế, chính sách, pháp luật để tham nhũng. Tuy nhiên, việc chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo sự ổn định của quản lý nhà nước, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị và tính chuyên môn sâu của vị trí công tác.

Kế thừa Luật cũ, Luật PCTN tiếp tục quy định biện pháp chuyển đổi vị trí công tác, song có một số nội dung điều chỉnh cho phù hợp hơn; cụ thể như sau:

**4.1) Để tránh việc lợi dụng quy định chuyển đổi công tác vào mục đích không chính đáng, Điều 24 Luật PCTN quy định cụ thể các nguyên tắc chuyển đổi như sau:**

- Cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng. (Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ).

- Việc chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị.

- Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCCVC để vụ lợi hoặc để trừ dấp CBCCVC.

**4.2) Điều 25 Luật PCTN quy định về vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi như sau:**

- Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn không phải được áp dụng đối với tất cả các vị trí công tác mà chỉ áp dụng đối với một số vị trí nhất định để phát sinh tham nhũng, chẳng hạn như các vị trí liên quan đến: công tác tổ chức cán bộ; quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công; trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, cá nhân khác. Đối với cơ quan, đơn vị chỉ có 01 vị trí phải yêu cầu chuyển đổi công tác mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù so với vị trí khác của cơ quan, đơn vị đó thì việc chuyển đổi vị trí công tác do người đứng đầu cơ quan,

đơn vị sử dụng người có chức vụ, quyền hạn đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

- Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

- Để đảm bảo phù hợp với đặc thù từng ngành, lĩnh vực, Luật PCTN giao Chính phủ quy định chi tiết vị trí công tác phải chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, cơ quan TW của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội quy định chi tiết vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

#### **4.3) Về kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác:**

- Nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch trong việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, Điều 26 Luật PCTN đã bổ sung quy định về kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác. Theo đó, định kỳ hàng năm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ.

- Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi, thời gian thực hiện chuyển đổi; quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi và biện pháp tổ chức thực hiện.

### **5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt.**

Cùng với những giải pháp phòng ngừa khác, việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ và thanh toán không dùng tiền mặt được coi là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa tham nhũng. Thông qua giải pháp này sẽ góp phần giảm cơ hội trực tiếp tiếp xúc giữa CBCCVC với cơ quan, đơn vị, cá nhân khi giải quyết công việc; từ đó góp phần hạn chế cơ hội nhũng nhiễu của CBCCVC trong hoạt động công vụ.

Kế thừa quy định của Luật cũ, các Điều 27, 28, 29 Luật PCTN 2018 quy định nguyên tắc, trách nhiệm để Chính phủ, các ngành, các cấp có trách nhiệm tăng cường thực hiện trong thời gian tới, cụ thể:

**5.1) Về cải cách hành chính:** Cơ quan, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

- Công khai, hướng dẫn thủ tục hành chính, đơn giản hóa và cắt giảm thủ tục trực tiếp tiếp xúc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi giải quyết công việc;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; quy định về vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

- Thực hiện nhiệm vụ khác về cải cách hành chính.

### **5.2) Về ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý:**

- Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

- Các Bộ, ngành có trách nhiệm đẩy mạnh xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu quốc gia phục vụ cho việc quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

### **5.3) Về thanh toán không dùng tiền mặt:**

- Việc đổi mới phương thức thanh toán, không dùng tiền mặt sẽ góp phần quản lý hiệu quả các khoản thu chi từ ngân sách nhà nước và của CBCCVC, ngăn ngừa những giao dịch không minh bạch; đồng thời đây cũng là giải pháp thiết thực để kiểm soát thu nhập của CBCCVC.

- Việc thanh toán không dùng tiền mặt hiện nay đang được Chính phủ triển khai thông qua Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020. Vì vậy, Luật PCTN quy định một số nguyên tắc cơ bản trong thanh toán không dùng tiền mặt. Theo đó, cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu, chi có giá trị lớn tại địa bàn đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ; Các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên.

- Luật PCTN cũng quy định giao Chính phủ áp dụng biện pháp tài chính, công nghệ để giảm việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch.

## **6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị:**

Kiểm soát tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là TSTN) của người có chức vụ, quyền hạn luôn được xác định là biện pháp quan trọng để ngăn ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng thông qua việc theo dõi những biến động về TSTN và việc giải trình của người có nghĩa vụ kê khai.

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn tình hình thực hiện biện pháp này trong thời gian qua, Luật PCTN 2018 đã có những sửa đổi căn bản và đã dành 25 điều (Từ Điều 30 đến Điều 54) để quy định về nội dung này (Luật cũ có 13 điều); đồng thời đã thay đổi tên gọi của biện pháp từ “*Minh bạch tài sản, thu nhập*” thành “*Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn*” nhằm nhấn mạnh mục đích hướng tới việc kiểm soát thực chất TSTN của CBCCVC và một số người có chức vụ, quyền hạn khác.

### **6.1. Cơ quan có thẩm quyền kiểm soát TSTN:**

- Theo quy định của Luật cũ, cơ quan có thẩm quyền kiểm soát TSTN là cơ quan quản lý trực tiếp người có nghĩa vụ kê khai. Qua thời gian thực hiện, cho thấy quy định này chưa phát huy được hiệu quả vì thẩm quyền quản lý bản kê khai TSTN còn phân tán và mang tính nội bộ, thiếu cơ chế kiểm soát từ bên ngoài. Để khắc phục những hạn chế này, Điều 30 Luật PCTN đã sửa đổi theo hướng quy định giao thẩm quyền kiểm soát TSTN cho một cơ quan, đơn vị; cụ thể:

+ Thanh tra Chính phủ kiểm soát TSTN của người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước; người có nghĩa vụ kê khai TSTN (sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai) thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

+ Thanh tra tỉnh kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ nêu trên.

+ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ nêu trên.

+ Cơ quan giúp UB Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu kiểm soát TSTN của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và người có nghĩa vụ kê khai khác thuộc thẩm quyền quản lý cán bộ của UB Thường vụ Quốc hội.

+ Văn phòng Quốc hội kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan thuộc UB Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Cơ quan giúp UB Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu nêu trên.

+ Văn phòng Chủ tịch nước kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Văn phòng Chủ tịch nước.

+ Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước.

+ Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai công tác trong hệ thống cơ quan, tổ chức đó.

-Quy định mới của Luật PCTN về thẩm quyền kiểm soát TSTN nêu trên sẽ bước đầu khắc phục được tình trạng phân tán, thiếu thống nhất và thiếu kiểm tra, giám sát việc kê khai, quản lý bản kê khai và xác minh TSTN. Quy định mới về thẩm quyền kiểm soát TSTN sẽ góp phần đảm bảo việc kiểm soát có hiệu quả, thực chất; từng bước chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm soát. Bên cạnh đó, các cơ quan kiểm soát TSTN được giao các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như quản lý, cập nhật bản kê khai và các thông tin về kiểm soát TSTN; xác minh TSTN; áp dụng các biện pháp xử lý việc kê khai TSTN, giải trình nguồn gốc TSTN tăng thêm không trung thực.

## **6.2. Đối tượng phải kê khai, phương thức kê khai và TSTN phải kê khai:**

### **a) Đối tượng phải kê khai:**

Nghị quyết TW 3 Khóa X của Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PCTN đề ra một trong các giải pháp là thực hiện việc kê khai TSTN của tất cả cán bộ, công chức là đảng viên. Chính vì vậy, để đảm bảo phù

hợp với chủ trương của Đảng về từng bước mở rộng đối tượng có nghĩa vụ kê khai TSTN, đáp ứng yêu cầu PCTN trong tình hình hiện nay, Điều 34 Luật PCTN quy định đối tượng có nghĩa vụ kê khai gồm:

- Cán bộ, công chức.
- Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.
- Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

*b) Phương thức kê khai:*

Tuy quy định mới của Luật PCTN có mở rộng đối tượng kê khai, song Luật cũng quy định phương thức kê khai phù hợp với từng đối tượng; theo đó có việc kê khai lần đầu và kê khai hàng năm, theo hướng đối tượng phải kê khai hàng năm được thu hẹp hơn; cụ thể như sau:

- Kê khai lần đầu: Người đang giữ chức vụ hoặc có vị trí công tác mà thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai đều phải thực hiện việc kê khai lần đầu nhằm hình thành đồng bộ cơ sở dữ liệu, thông tin về TSTN của họ kể từ thời điểm Luật PCTN có hiệu lực. Đồng thời, tất cả cán bộ, công chức, một số viên chức hoặc vị trí công tác khác khi được tiếp nhận, tuyển dụng vào làm việc tại cơ quan, đơn vị trong khu vực nhà nước đều phải kê khai. Hình thức kê khai này hiện đang được thực hiện trong quá trình hình thành hồ sơ quản lý cán bộ. Những năm công tác tiếp theo, họ không phải kê khai TSTN hàng năm nếu không có căn cứ phát sinh.

- Kê khai hàng năm và kê khai bổ sung phục vụ cho kiểm soát TSTN:

+ Kê khai hàng năm chỉ áp dụng cho những người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc công việc của cơ quan, đơn vị, cá nhân.

+ Những người không thuộc đối tượng trên chỉ phải kê khai bổ sung khi có biến động tăng về TSTN có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

- Kê khai phục vụ công tác cán bộ: Hình thức này được thực hiện đối với cán bộ, công chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác; người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

*c) TSTN phải kê khai:*

- Luật PCTN tiếp tục quy định người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai TSTN của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. So với Luật cũ, Điều

35 Luật PCTN năm 2018 quy định chi tiết hơn về TSTN phải kê khai để thuận tiện cho quá trình tổ chức thực hiện. Cụ thể bao gồm những loại tài sản sau:

- + Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;

- + Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;

- + Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

- + Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

- Trên thực tế, việc kê khai các loại TSTN sẽ rất phức tạp và mang tính kỹ thuật, đòi hỏi phải được hướng dẫn cụ thể, chi tiết. Do vậy, Luật PCTN giao Chính phủ quy định mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai để thống nhất trong việc triển khai.

### **6.3. Việc công khai, quản lý bản kê khai và theo dõi biến động TSTN:**

#### **a) Công khai bản kê khai TSTN:**

-Việc công khai bản kê khai TSTN sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, qua đó tăng cường tính trung thực trong kê khai TSTN của người có chức vụ, quyền hạn. Bên cạnh đó, cũng cần đảm bảo quyền bí mật riêng tư về tài sản của công dân, phù hợp với quy định của Hiến pháp. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật cũ, Điều 39 Luật PCTN năm 2018 đã có một số điều chỉnh cho phù hợp hơn quy định về công khai bản kê khai TSTN; cụ thể như sau:

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.

- Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

- Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu HĐND phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử.

- Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, HĐND phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

#### **b) Quản lý bản kê khai TSTN:**

- Theo quy định của Luật cũ, bản kê khai TSTN do đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác tổ chức nhân sự của cơ quan, đơn vị nơi người kê khai công tác quản lý; đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý thì Ban Tổ chức cấp ủy cùng cấp quản lý. Quy định của Luật cũ đã dẫn đến tình trạng quản lý phân tán, hạn chế việc thực hiện xác minh TSTN trong thời gian qua. Khắc phục hạn chế này, Điều 38 Luật PCTN đã quy định: Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê

khai và bàn giao 01 bản kê khai cho cơ quan kiểm soát TSTN có thẩm quyền. Như vậy, bản kê khai vừa được quản lý tại cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người kê khai; vừa được quản lý tập trung tại cơ quan kiểm soát TSTN. Quy định này giúp cho việc theo dõi biến động, kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai hiệu quả hơn.

- Bên cạnh đó, để dần thay thế cho việc quản lý bản kê khai giấy một cách thủ công, công kênh và kém hiệu quả như thời gian vừa qua, Luật PCTN đã bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN nhằm hướng tới quản lý bản kê khai một cách khoa học, hiện đại và hiệu quả; cụ thể:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN bao gồm thông tin về bản kê khai; Kết luận xác minh TSTN và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát TSTN.

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm: Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN trong phạm vi cả nước; Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN; Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát TSTN do cơ quan, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát TSTN khác cung cấp; Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN trong phạm vi cả nước.

+ Cơ quan kiểm soát TSTN khác có trách nhiệm: Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát TSTN trong phạm vi quản lý của mình; Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát TSTN do cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai cung cấp trong phạm vi quản lý của mình; Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát TSTN trong phạm vi quản lý của mình; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu về kiểm soát TSTN theo thẩm quyền.

- Điều 54 Luật PCTN cũng quy định một số nội dung có tính nguyên tắc trong việc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện.

#### *c) Theo dõi biến động TSTN:*

Theo dõi biến động TSTN là quy định mới được bổ sung của Luật PCTN năm 2018 nhằm giúp cơ quan kiểm soát TSTN nắm bắt được thông tin về việc tăng, giảm TSTN của người có nghĩa vụ kê khai; qua đó kịp thời phát hiện những biểu hiện bất thường, không minh bạch về TSTN có thể liên quan đến tham nhũng. Theo đó, Điều 40 Luật PCTN quy định:

- Cơ quan kiểm soát TSTN theo dõi biến động về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai thông qua phân tích, đánh giá thông tin từ bản kê khai hoặc từ các nguồn thông tin khác. *(Nguồn thông tin khác ở đây được hiểu là các nguồn hợp pháp có liên quan đến thông tin về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai như thông tin từ các tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý thuế...).*

- Trường hợp phát hiện TSTN có biến động từ 300 triệu đồng trở lên so với TSTN đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai không kê khai thì Cơ quan kiểm soát TSTN có quyền yêu cầu người đó cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan; trường hợp TSTN có biến động tăng thì phải giải trình về nguồn gốc của TSTN tăng thêm. (*Quy định này tương thích với quy định về nghĩa vụ kê khai bổ sung theo Khoản 2 Điều 36 của Luật PCTN*).

#### **6.4. Xác minh TSTN:**

##### *a) Thẩm quyền xác minh TSTN:*

- Theo quy định của Luật cũ, thẩm quyền xác minh TSTN thuộc về người có thẩm quyền quản lý CBCCVC. Tuy nhiên, quy định này bị đánh giá là kém hiệu quả và khó đảm bảo cho việc xác minh TSTN được chủ động, khách quan và độc lập.

- Để khắc phục hạn chế, Luật PCTN 2018 đã quy định thẩm quyền xác minh TSTN thuộc về cơ quan kiểm soát TSTN. Việc giao thẩm quyền này cho cơ quan kiểm soát TSTN giúp cho việc kiểm soát TSTN được chủ động và hiệu quả hơn.

##### *b) Căn cứ xác minh TSTN:*

- Điều 41 Luật PCTN 2018 quy định việc xác minh TSTN được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

- + Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai TSTN không trung thực;
- + Có biến động tăng về TSTN từ 300 triệu đồng trở lên so với TSTN đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc;
- + Có tố cáo về việc kê khai TSTN không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo;
- + Thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh TSTN hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên;
- + Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật.

-Để đảm bảo thống nhất trong việc thực hiện, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai được xác minh và việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN hằng năm của Cơ quan kiểm soát TSTN.

##### *c) Nội dung xác minh TSTN:*

Đề định hướng đúng trọng tâm của việc xác minh TSTN và đảm bảo thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện, Điều 43 Luật PCTN 2018 đã bổ sung quy định về nội dung xác minh TSTN; bao gồm các nội dung:

- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai;
- Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của TSTN tăng thêm.

*d) Trình tự xác minh TSTN:*

Luật PCTN 2018 đã bổ sung tương đối chi tiết các quy định về trình tự các bước, cách thức tiến hành xác minh TSTN như sau:

*\*Thứ nhất: Ra quyết định xác minh TSTN và thành lập Tổ xác minh TSTN.*

- Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát TSTN ra quyết định xác minh TSTN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có các căn cứ xác minh khác theo quy định tại Điều 42 .

- Quyết định xác minh TSTN bao gồm các nội dung sau đây: Căn cứ ban hành quyết định xác minh; Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của người được xác minh TSTN; Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh; Nội dung xác minh; Thời hạn xác minh; Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phối hợp (nếu có).

- Để tránh xung đột lợi ích trong quá trình xác minh TSTN, Luật quy định rõ: Không bố trí người tham gia Tổ xác minh là vợ, chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của người được xác minh hoặc người khác mà có căn cứ cho rằng người đó có thể không vô tư, không khách quan trong việc xác minh TSTN.

*\*Thứ hai: Yêu cầu người được xác minh giải trình về TSTN của mình.*

-Người được xác minh có nghĩa vụ giải trình về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, nguồn gốc của TSTN tăng thêm so với TSTN đã kê khai trước đó. Đây vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của người được xác minh để làm rõ những khúc mắc liên quan đến TSTN của mình.

- Ngoài ra, người được xác minh TSTN có nghĩa vụ: cung cấp thông tin liên quan đến nội dung xác minh khi có yêu cầu của Tổ xác minh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã cung cấp; thực hiện đầy đủ, kịp thời yêu cầu của Tổ xác minh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình xác minh TSTN; chấp hành quyết định xử lý của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về kiểm soát TSTN. Đồng thời, người được xác minh cũng có quyền khiếu nại, tố cáo quyết định, hành vi của cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong xác minh TSTN khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*\*Thứ ba: Tiến hành xác minh TSTN.*

-Việc xác minh TSTN là nội dung rất quan trọng, ảnh hưởng quyết định đến kết quả xử lý. Điều 46 Luật PCTN quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ xác minh nhằm tiến hành xác minh, cụ thể như:

+ Yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh;

+ Kiến nghị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc cơ quan, đơn vị, cá nhân đang quản lý TSTN áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để

ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch TSTN hoặc hành vi khác cản trở hoạt động xác minh TSTN;

+ Đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền định giá, thẩm định giá, giám định TSTN phục vụ cho việc xác minh;

+ Thu thập thông tin, tài liệu, xác minh tại chỗ đối với TSTN.

-Để tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm cho hoạt động xác minh TSTN, Điều 32 Luật PCTN cũng quy định trách nhiệm của Kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan công an, quản lý thuế, hải quan, quản lý về đất đai, đăng ký tài sản và cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

+ Cung cấp thông tin liên quan đến nội dung xác minh về TSTN khi có yêu cầu của Cơ quan kiểm soát TSTN và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin đã cung cấp; trường hợp không cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để làm rõ thông tin liên quan đến nội dung xác minh TSTN hoặc để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập hoặc hành vi khác cản trở hoạt động xác minh TSTN;

+Tiến hành định giá, thẩm định giá, giám định TSTN theo quy định của pháp luật.

*\* Thứ tư: Báo cáo kết quả xác minh TSTN.*

-Báo cáo kết quả xác minh TSTN là căn cứ quan trọng để người ra quyết định xác minh ban hành kết luận xác minh. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh phải báo cáo kết quả xác minh TSTN bằng văn bản cho người ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày.

-Báo cáo kết quả xác minh TSTN bao gồm các nội dung sau đây: Nội dung được xác minh, hoạt động xác minh đã được tiến hành và kết quả xác minh; Đánh giá về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của TSTN tăng thêm; Kiến nghị xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát TSTN.

*\*Thứ năm: Kết luận xác minh TSTN*

-Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả xác minh TSTN, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh TSTN; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

-Kết luận xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây: Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai TSTN; Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của TSTN tăng thêm; Kiến nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát TSTN (nếu có).

-Người ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải chịu trách nhiệm về tính khách quan, trung thực của Kết luận xác minh.

\* Thứ sáu: *Gửi và công khai kết luận xác minh TSTN*:

- Kết luận xác minh TSTN phải được gửi cho người được xác minh và cơ quan, đơn vị, cá nhân yêu cầu, kiến nghị xác minh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kết luận xác minh TSTN, người ra quyết định xác minh TSTN có trách nhiệm công khai Kết luận xác minh. Việc công khai Kết luận xác minh TSTN được thực hiện như việc công khai bản kê khai theo quy định tại Điều 39 của Luật.

#### **IV/. QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HIỆN THAM NHŨNG:**

Tham nhũng là hành vi được thực hiện bởi chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn và thường được che giấu rất tinh vi. Do vậy, việc phát hiện hành vi tham nhũng trong thực tế là rất khó khăn; song đây lại là một khâu rất quan trọng, tạo tiền đề để đấu tranh, ngăn chặn và xử lý tham nhũng. Luật PCTN tiếp tục ghi nhận 03 phương thức chủ yếu để phát hiện tham nhũng, bao gồm: Công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị; Hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán; Phản ánh, báo cáo, tố cáo về hành vi tham nhũng. Luật cũng quy định cụ thể việc thực hiện đối với từng phương thức như sau:

##### **1. Thông qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị:**

Kiểm tra và tự kiểm tra là một khâu không thể thiếu trong hoạt động quản lý nhà nước. Việc thực hiện kiểm tra trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực hoặc tự kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị nhằm chủ động xem xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý; kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng để ngăn chặn, giảm thiểu thiệt hại xảy ra. Kế thừa quy định của Luật cũ, Điều 55, 56, 57, 58 Luật PCTN 2018 tiếp tục và bổ sung quy định về công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước; công tác tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị như sau:

##### **1.1) Trách nhiệm thực hiện:**

- Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

+ Chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý mà thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, cá nhân khác nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

+ Thường xuyên đôn đốc đơn vị trực thuộc kiểm tra người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

+ Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

-Người đứng đầu Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân phải tăng cường quản lý CBCCVC và người có chức vụ, quyền hạn khác; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, nhũng nhiễu và các hành vi khác vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng. CBCCVC và người có chức vụ, quyền hạn khác của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

### **1.2) Hình thức thực hiện:**

- Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng.

- Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

### **2. Thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử:**

Đây chính là hoạt động giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội và HĐND các cấp). Các cơ quan này có chức năng giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước, đặc biệt là các cơ quan hành chính nhà nước từ TW đến địa phương. Trên cơ sở kế thừa Luật cũ, Điều 59 Luật PCTN tiếp tục quy định như sau:

- Quốc hội, UBTW Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thông qua hoạt động giám sát nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì đề nghị Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khi nhận được đề nghị nêu trên, Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phải xác minh, xử lý và thông báo kết quả cho cơ quan, đại biểu đã đề nghị; Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán hoặc xem xét, quyết định việc kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và thông báo kết quả cho cơ quan, đại biểu đã đề nghị.

### **3. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:**

Bản chất của thanh tra là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, cá nhân. Mục đích hoạt động thanh tra chính là nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Kiểm toán nhà nước thực hiện chức năng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công. Đối tượng, lĩnh vực của hoạt động thanh

tra, kiểm toán thường tiềm ẩn các hành vi tham nhũng. Vì vậy, thông qua hoạt động này, các cơ quan thanh tra và kiểm toán nhà nước có điều kiện phát hiện tham nhũng. Kế thừa Luật cũ, các điều 60, 61, 62 quy định việc phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán như sau:

- Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh, Kiểm toán nhà nước ra quyết định thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng khi có căn cứ theo quy định của Luật Thanh tra, Luật Kiểm toán nhà nước. Cụ thể như sau:

+ Thanh tra Chính phủ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan ở TW thực hiện; người công tác tại Thanh tra Chính phủ thực hiện;

+ Thanh tra Bộ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ nêu trên;

+ Thanh tra tỉnh thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương thực hiện, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ nêu trên;

+ Các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng tại các cơ quan, tổ chức có quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo phân công của Tổng Kiểm toán nhà nước.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm toán, nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán phải chỉ đạo xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng và xử lý như sau:

+ Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Trong trường hợp này, Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước tiếp tục tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm toán về các nội dung khác theo kế hoạch tiến hành thanh tra, kế hoạch kiểm toán đã phê duyệt và ban hành Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán nhà nước;

+ Trường hợp vụ việc không có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm. Cơ quan, đơn vị,

cá nhân có thẩm quyền xử lý phải thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý cho Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước đã kiến nghị.

- Để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, kiểm toán trong việc phát hiện tham nhũng, các điều 63, 64 Luật PCTN cũng quy định việc công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán và xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán đối với những người có trách nhiệm thực hiện việc thanh tra, kiểm toán.

#### **4. Thông qua việc thông tin và xử lý thông tin về hành vi tham nhũng**

##### **4.1. Hình thức thông tin cho cơ quan, người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi tham nhũng:**

Luật cũ chỉ quy định cá nhân có quyền tố cáo hành vi tham nhũng, song Luật PCTN 2018 đã mở rộng hơn các hình thức tiếp nhận thông tin về tham nhũng; theo đó:

- Cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh về hành vi tham nhũng; cá nhân có quyền tố cáo về hành vi tham nhũng;

- CBCCVC, người lao động, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang khi phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, đơn vị nơi mình công tác thì phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó; trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị có liên quan đến hành vi tham nhũng thì phải báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ.

- Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của nội dung phản ánh, báo cáo; người tố cáo hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm về việc tố cáo của mình theo quy định của Luật Tố cáo. Người có thành tích trong việc phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

##### **4.2. Trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin:**

- Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền khi nhận được phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng phải xem xét, xử lý kịp thời và áp dụng các biện pháp bảo vệ người phản ánh, tố cáo. Việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo về hành vi tham nhũng, người được báo cáo phải xử lý vụ việc theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý và thông báo cho người báo cáo biết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày; trường hợp cần thiết thì người được báo cáo quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng và bảo vệ người báo cáo.

##### **4.3. Bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng:**

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, nhiều trường hợp người tố cáo, trong đó có tố cáo hành vi tham nhũng đã bị đe dọa, trù dập, trả thù, làm ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến danh dự, việc làm, thậm chí cả tính mạng, sức khỏe không chỉ của bản thân họ mà cả của người thân thích; trong khi quy định của pháp luật về bảo vệ người tố cáo còn nhiều bất cập, thiếu khả thi. Khắc phục những hạn chế này, Luật Tố cáo năm 2018 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2019) đã quy định chi tiết việc bảo vệ người tố cáo, trong đó có cả việc bảo vệ những người thân thích của người tố cáo (gồm vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo). Người tố cáo và người thân thích của họ được bảo vệ bí mật thông tin; bảo vệ vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm.

Chính vì vậy, Luật PCTN không quy định cụ thể về nội dung này, mà chỉ quy định việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo, đồng thời người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng cũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.

Quy định mới này của Luật PCTN sẽ góp phần tích cực giúp người tố cáo, phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng yên tâm hơn khi phát hiện và thông tin về hành vi tham nhũng cho cơ quan, người có thẩm quyền.

#### **V/. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG PCTN:**

Theo Luật cũ, nội dung về chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị được quy định trong phần các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện đã phát sinh những bất cập, thiếu hiệu quả, do đó Luật PCTN 2018 đã quy định nội dung này thành một chương riêng (từ Điều 70 đến Điều 73) và sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa, cũng như đề cao hơn nữa vai trò của người đứng đầu. Cụ thể:

##### **1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong PCTN:**

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong PCTN (theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật).
- gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định.

##### **2. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác:**

- Khi có căn cứ cho rằng người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng, người đứng đầu theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, đề nghị người có thẩm quyền quản lý cán bộ đối với người có chức vụ, quyền hạn tạm đình chỉ công tác hoặc tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có hành vi vi phạm để xác minh, làm rõ hành vi tham nhũng, nếu xét thấy người đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

- Người đứng đầu hoặc người có thẩm quyền quản lý cán bộ đối với người có chức vụ, quyền hạn phải xem xét tạm đình chỉ công tác hoặc tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn khi nhận được yêu

cầu của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân nếu trong quá trình thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử có căn cứ cho rằng người đó có hành vi tham nhũng.

-Người đứng đầu hoặc người có thẩm quyền quản lý cán bộ đối với người có chức vụ, quyền hạn phải hủy bỏ ngay quyết định và thông báo công khai về việc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người có chức vụ, quyền hạn sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng.

-Luật PCTN giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thời hạn tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác; việc hưởng lương, phụ cấp, quyền, lợi ích hợp pháp khác và bồi thường, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người có chức vụ, quyền hạn sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng.

**3. Trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:**

***3.1. Trách nhiệm và xử lý trách nhiệm:***

-Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; trong trường hợp này, người đứng đầu phải chịu trách nhiệm liên đới.

-Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Người đứng đầu chịu trách nhiệm liên đới khi để xảy ra tham nhũng thì bị xử lý kỷ luật.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội để xảy ra tham nhũng trong tổ chức mình ngoài việc bị xử lý theo quy định của Điều này còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

***3.2. Việc xem xét loại trừ, miễn giảm hoặc tăng trách nhiệm:***

Nhằm ngăn ngừa “tác dụng ngược” của các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác PCTN, hạn chế trường hợp người đứng đầu vì sợ trách nhiệm mà không chủ động, tích cực phát hiện và xử lý tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình, Luật PCTN đã bổ sung quy định về việc xem xét loại trừ, miễn giảm hoặc tăng trách nhiệm pháp lý của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu. Cụ thể:

- Được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng;

- Được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng

hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật;

- Được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Bị xem xét tăng trách nhiệm trong trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc không kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.

## **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA XÃ HỘI TRONG PCTN:**

Để PCTN có hiệu quả thì không chỉ phát huy vai trò của các cơ quan nhà nước mà cần có sự tham gia của toàn xã hội. Phát huy vai trò của xã hội trong PCTN là chủ trương được thể hiện trong nhiều văn bản của Đảng và Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020. Kế thừa Luật cũ, Luật PCTN 2018 tiếp tục dành một chương (từ Điều 74 đến Điều 77) để quy định về vai trò, trách nhiệm của xã hội và có chỉnh lý, bổ sung nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của xã hội trong PCTN. Theo đó:

### **1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm:**

- Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về PCTN; phản biện xã hội, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kiến nghị việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; Động viên nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; Cung cấp thông tin cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng; Giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN.

- Có quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, kiến nghị việc bảo vệ, khen thưởng người có công phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, trả lời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

### **2. Cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm:**

- Đấu tranh chống tham nhũng, đưa tin về hoạt động PCTN và vụ việc tham nhũng. Có trách nhiệm phản ánh khách quan, trung thực và chấp hành các quy định khác của pháp luật về báo chí, quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi đưa tin về hoạt động PCTN và vụ việc tham nhũng.

- Có quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng. Cơ quan, đơn vị, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **3. Doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm:**

- Tuyên truyền, động viên người lao động, thành viên, hội viên của mình thực hiện quy định của pháp luật về PCTN; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi tham nhũng. Có trách nhiệm kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN.

- Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề tổ chức diễn đàn để trao đổi, cung cấp thông tin, phục vụ công tác PCTN.

### **4. Trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:**

- Công dân tự mình hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc thông qua tổ chức mà mình là thành viên tham gia PCTN.

- Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN.

## **VII/-PCTN TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC:**

### **1. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong công tác PCTN:**

**- *Tại Điều 4 của Luật PCTN quy định doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm:***

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng xảy ra trong đơn vị mình theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế, quy định;

+ Kịp thời cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

**- *Tại Điều 80 Luật PCTN quy định:*** các Công ty đại chúng; tổ chức tín dụng; tổ chức xã hội có Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê chuẩn điều lệ có huy động các khoản đóng góp của nhân dân để hoạt động từ thiện bắt buộc phải áp dụng một số biện pháp PCTN: *Công khai, minh bạch; Kiểm soát xung đột lợi ích; Trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu.*

Quy định về việc minh bạch và kiểm soát tài sản, thu nhập của Luật PCTN không áp dụng đối với khu vực ngoài nhà nước. Vì trách nhiệm phải kê khai thu nhập của những người giữ chức vụ quản lý, điều hành trong doanh nghiệp đã được Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán quy định cụ thể đối với mọi loại hình doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các Luật này cũng chỉ buộc người giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp phải kê khai tài sản (còn cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) thì phải kê khai cả tài sản); trình

tự, thủ tục thực hiện việc kê khai, công khai thu nhập của người giữ chức vụ quản lý, điều hành trong doanh nghiệp cũng hoàn toàn khác với trình tự, thủ tục kê khai, công khai tài sản, thu nhập đối với CBCCV.

***-Ngoài ra, tại các điều 78, 79 Luật PCTN cũng quy định việc xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng.*** Cụ thể như sau:

+ Khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, căn cứ vào quy định của Luật này và luật khác có liên quan, ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với người lao động, thành viên, hội viên của mình; trên cơ sở quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh là chuẩn mực ứng xử phù hợp với đặc thù chuyên môn, nghề nghiệp của người hành nghề, người hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm liêm chính trong hành nghề, kinh doanh; động viên, khuyến khích thành viên, hội viên xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng đi đôi với giám sát việc chấp hành pháp luật về PCTN của thành viên, hội viên, tích cực tham gia vào việc hoàn thiện chính sách, pháp luật.

+ Doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, ngăn chặn hành vi tham nhũng và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng.

## **2. Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:**

Điều 81 Luật PCTN quy định cụ thể về thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước. Theo đó, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra bộ, Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với các công ty đại chúng; tổ chức tín dụng; tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của nhân dân để hoạt động từ thiện.

Bên cạnh đó, để tránh việc một doanh nghiệp, tổ chức xã hội bị thanh tra nhiều lần bởi nhiều cơ quan thanh tra khác nhau về cùng một nội dung, Luật PCTN đã quy định giao Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra; giao Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện và thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN của các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

## **3. Phát hiện tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước**

Để đảm bảo xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, liêm chính, kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng để ngăn chặn, xử lý, Điều 82 Luật PCTN quy định:

- Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm tự kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức mình.

- Cơ quan thanh tra khi tiến hành hoạt động thanh tra nếu phát hiện hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, đơn vị, cá nhân khi phát hiện hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm phản ánh, tố cáo, báo cáo theo quy định của Luật.

## **VIII/-TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG PCTN**

### **1.Các cơ quan, đơn vị chuyên trách về PCTN:**

Ở nước ta hiện nay, tổ chức cơ quan PCTN được xây dựng theo mô hình đa cơ quan. Theo đó, công tác PCTN được xác định là trách nhiệm của tất cả các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị theo chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền luật định. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chuyên môn sâu và vai trò đầu mối, Luật PCTN giao cho một số đơn vị có tính chất chuyên trách về PCTN tại một số cơ quan như Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Bên cạnh đó, Luật giao trách nhiệm cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng trong Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn; Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an.

### **2.Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong PCTN:**

#### **2.1) Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, ngành:**

-*Chính phủ* thống nhất quản lý nhà nước về công tác PCTN trong phạm vi cả nước.

-*Thanh tra Chính phủ* là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng và có trách nhiệm sau đây:

+ Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về PCTN;

+ Quản lý việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo thẩm quyền;

+ Thanh tra, kiểm tra công tác PCTN theo thẩm quyền; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN;

+ Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

+ Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN;

+Xây dựng báo cáo hằng năm về công tác PCTN.

- *Bộ Công an, Bộ Quốc phòng* trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức hoạt động điều tra tội phạm tham nhũng.

- *Bộ, cơ quan ngang Bộ* trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Chính phủ quản lý nhà nước về công tác PCTN.

- *Kiểm toán nhà nước* có trách nhiệm kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo quy định của pháp luật.

**2.2) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp:** UBND các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về PCTN;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PCTN;

- Tổ chức công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về PCTN;

- Hằng năm, báo cáo HĐND cùng cấp về công tác PCTN.

**2.3) Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao:**

- *Viện kiểm sát nhân dân tối cao* có trách nhiệm tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với tội phạm tham nhũng; điều tra tội phạm tham nhũng trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp.

- *Tòa án nhân dân tối cao* giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án tham nhũng thuộc thẩm quyền, giám đốc việc xét xử các vụ án tham nhũng của các tòa án khác, tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các vụ án tham nhũng.

### **3. Trách nhiệm phối hợp trong PCTN:**

- *Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân* trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

+ Phối hợp với nhau và phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng;

+ Phối hợp trong việc tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng; kiến nghị chính sách, pháp luật, giải pháp PCTN

- *Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác* trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tạo điều kiện, phối hợp với Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

### **IX/HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PCTN**

Hiện nay, tham nhũng đã trở thành vấn đề mang tính toàn cầu. Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020 đã nhận định “Việc hợp tác quốc tế ngày càng

sâu rộng cũng tạo cơ hội phát sinh những vụ việc tham nhũng với phạm vi rộng hơn, khó phát hiện và xử lý hơn do có sự tham gia của các cá nhân, tổ chức nước ngoài”. Chính vì vậy, việc hợp tác quốc tế có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN. Nước ta đã là thành viên chính thức của Công ước Liên hợp quốc về PCTN và trong thời gian qua, nhiều hoạt động hợp tác quốc tế trong PCTN đã được triển khai đạt kết quả tốt.

Kế thừa Luật cũ, Luật PCTN năm 2018 đã tiếp tục quy định việc hợp tác quốc tế trong PCTN, đồng thời có bổ sung thêm quy định về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản tham nhũng, nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Cụ thể như sau:

### **1. Về trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế:**

Nhà nước cam kết thực hiện các điều ước quốc tế về PCTN mà nước ta là thành viên; hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động PCTN trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi; đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể như sau:

-Thanh tra Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và cơ quan khác thực hiện hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong PCTN.

-Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong PCTN.

### **2. Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng:**

- Trên cơ sở điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, tịch thu hoặc thu hồi tài sản tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp.

-Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan TW về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản tham nhũng trong tố tụng hình sự; tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài về thu hồi tài sản tham nhũng và đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản tham nhũng của Việt Nam.

-Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan nhà nước có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng.

## **X/-XỬ LÝ THAM NHŨNG VÀ HÀNH VI KHÁC VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PCTN**

### **1.Xử lý tham nhũng:**

#### **1.1) Xử lý người có hành vi tham nhũng**

Nhằm thể hiện sự nghiêm minh trong xử lý tham nhũng nói chung và xử lý người có hành vi tham nhũng nói riêng, tăng cường hiệu quả công tác PCTN,

Luật PCTN 2018 cơ bản kế thừa một số quy định của Luật cũ và có bổ sung cho phù hợp với yêu cầu đấu tranh chống tham nhũng trong tình hình hiện nay, cụ thể như sau:

- Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác. (Đây là nguyên tắc mới được bổ sung, thể hiện quan điểm của Đảng là không khoan nhượng với hành vi tham nhũng, không có vùng cấm trong đấu tranh chống tham nhũng và tránh tư tưởng “hạ cánh an toàn” khi đã nghỉ hưu, chuyển công tác).

- Người có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét tăng hình thức kỷ luật. (Quy định mới này nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu. Theo đó, cùng một hành vi vi phạm nhưng với vai trò là người đứng đầu thì phải chịu trách nhiệm nặng hơn người khác).

- Người có hành vi tham nhũng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, tự giác nộp lại tài sản tham nhũng, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng thì được xem xét giảm hình thức kỷ luật, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. (Nguyên tắc này phù hợp với nguyên tắc xử lý của Bộ luật Hình sự, theo đó khuyến khích người vi phạm, phạm tội tự giác khắc phục để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật).

- Người bị kết án về tội phạm tham nhũng là CBCCVC mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên bị buộc thôi việc; đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND.

### ***1.2) Xử lý tài sản tham nhũng:***

Bên cạnh việc xử lý người có hành vi tham nhũng thì việc xử lý tài sản tham nhũng là vấn đề mấu chốt thứ hai trong xử lý tham nhũng. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật cũ, thì tỷ lệ thu hồi tài sản tuy hằng năm đều tăng nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với số tài sản bị chiếm đoạt; tài sản tham nhũng trong một số vụ án bị tẩu tán, không kiểm soát và thu hồi được. Nhằm khắc phục những hạn chế này, Luật PCTN 2018 kế thừa một số quy định phù hợp của Luật cũ, đồng thời có sửa đổi, bổ sung nhằm khẳng định tính mạnh mẽ và nhất quán trong chính sách thu hồi tài sản tham nhũng, theo đó:

- Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật.

- Thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra phải được khắc phục; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **2.Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN:**

### **2.1) Các hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN:**

Hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN bao gồm các hành vi sau:

- Vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị;
- Vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;
- Vi phạm quy định về quy tắc ứng xử;
- Vi phạm quy định về xung đột lợi ích;
- Vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn;
- Vi phạm quy định về nghĩa vụ báo cáo về hành vi tham nhũng và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng;
- Vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm;
- Vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

### **2.2) Hình thức xử lý:**

- Người có một trong các hành vi vi phạm nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Riêng đối với người có hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm còn bị xử lý theo quy định tại Điều 51 của Luật, cụ thể:

+ Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu HĐND thì bị xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử.

+ Người được dự kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử giữ chức vụ thì không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến.

+Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc 02 trường hợp nêu trên mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm; nếu được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thì còn bị đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; (trường hợp xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm thì có thể xem xét không kỷ luật).

- Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật nếu là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét áp dụng tăng hình thức kỷ luật.

-Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật nếu là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội thì còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

### **2.3) Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:**

Đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước là công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện, theo quy định bắt buộc phải thực hiện nhóm các quy định về việc thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động kiểm soát xung đột lợi ích; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu (quy định tại Điều 80 Luật PCTN). Do vậy, khi các doanh nghiệp, tổ chức này vi phạm các quy định nói trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý như sau:

-Doanh nghiệp, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

-Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức đó.

-Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện các biện pháp xử lý đối với người giữ chức danh, chức vụ quản lý thì bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra công bố công khai về tên, địa chỉ và hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Như vậy, theo quy định trên thì đồng nghĩa với việc doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước thuộc đối tượng phải áp dụng một số quy định của Luật PCTN phải quy định về việc xử lý trách nhiệm của người giữ chức danh, chức vụ quản lý khi vi phạm các quy định của Luật trong điều lệ, quy chế của mình. Nếu không có quy định hoặc có quy định nhưng doanh nghiệp, tổ chức không tự xử lý người có hành vi vi phạm thì sẽ bị cơ quan có thẩm quyền công bố công khai về tên, địa chỉ và hành vi vi phạm. Đối với doanh nghiệp thì hình thức xử lý này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, hiệu quả kinh doanh; thậm chí doanh nghiệp còn có thể không được tham gia các gói thầu mà việc không vi phạm Luật PCTN là một tiêu chí để dự thầu. Bằng các chế tài này, Luật PCTN sẽ góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; góp phần xây dựng môi trường, văn hóa kinh doanh lành mạnh, công bằng, vì sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp, tổ chức đó./.

---